

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(đã được kiểm toán)

# CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

## NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-35
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12-35

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03 tháng 01 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Hiệp	Chủ tịch	
Ông Trần Minh Tuấn	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Đình Trung	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Thi	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 31/12/2014
Bà Hoàng Hải Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31/12/2014

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đình Trung	Giám đốc	
Ông Nguyễn Hữu Thành	Phó Giám đốc	
Ông Lê Ngọc Dũng	Phó Giám đốc	
Ông Phan Trung Nghĩa	Phó Giám đốc	
Ông Bùi Hữu Lạc	Phó Giám đốc	
Ông Trương Văn Thục	Phó Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 21/10/2014
Ông Trần Quốc Bình	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21/08/2014
Ông Nguyễn Văn Tới	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31/12/2014

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lý Thu Vân	Trưởng ban	
Bà Hà Thị Thanh Hậu	Thành viên	
Ông Chu Hải Đăng	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 24/04/2014
Bà Đinh Thị Nhung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/04/2014

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

#### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



**Nguyễn Đình Trung**

Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2015

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được lập ngày 15 tháng 01 năm 2015, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



---

**Cát Thị Hà**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2013-002-1

---

**Lê Đức Minh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1628-2013-002-1

*Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2015*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>467.934.729.766</b>	<b>517.311.784.665</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>38.308.697.906</b>	<b>25.564.599.963</b>
111	1. Tiền		16.308.697.906	22.951.302.456
112	2. Các khoản tương đương tiền		22.000.000.000	2.613.297.507
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>397.444.982.882</b>	<b>458.641.650.285</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		417.673.149.839	450.465.508.865
132	2. Trả trước cho người bán		21.603.693.461	16.480.634.558
135	5. Các khoản phải thu khác	<b>4</b>	10.684.527.124	28.665.880.547
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(52.516.387.542)	(36.970.373.685)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>5</b>	<b>27.459.145.252</b>	<b>26.544.338.777</b>
141	1. Hàng tồn kho		27.459.145.252	26.544.338.777
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>4.721.903.726</b>	<b>6.561.195.640</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		11.315.476	57.661.031
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		871.124.032	2.299.481.567
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.202.909	128.952.000
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	<b>6</b>	3.838.261.309	4.075.101.042
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>204.301.004.587</b>	<b>258.376.741.188</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>2.444.229.888</b>	<b>3.407.693.410</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	<b>7</b>	2.377.123.619	3.159.261.506
222	- Nguyên giá		7.803.299.950	8.152.337.735
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.426.176.331)	(4.993.076.229)
227	3. Tài sản cố định vô hình	<b>8</b>	67.106.269	248.431.904
228	- Nguyên giá		882.965.000	882.965.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(815.858.731)	(634.533.096)
240	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>9</b>	<b>14.653.222.342</b>	<b>19.138.267.738</b>
241	- Nguyên giá		29.124.423.643	29.124.423.643
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.471.201.301)	(9.986.155.905)
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>10</b>	<b>144.551.419.232</b>	<b>191.963.092.416</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		79.628.213.760	132.836.262.560
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		1.447.257.429	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác		75.454.779.091	76.346.963.820
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(11.978.831.048)	(17.220.133.964)
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>42.652.133.125</b>	<b>43.867.687.624</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	<b>11</b>	42.652.133.125	43.867.687.624
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>672.235.734.353</b>	<b>775.688.525.853</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>251.745.280.009</b>	<b>360.863.888.740</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>242.600.615.544</b>	<b>353.206.275.535</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	125.363.012.318	122.110.612.304
312	2. Phải trả người bán		30.422.390.094	89.117.025.215
313	3. Người mua trả tiền trước		24.371.882.319	23.821.282.240
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	20.852.785.735	29.225.772.104
315	5. Phải trả người lao động		2.508.834.688	4.112.369.511
316	6. Chi phí phải trả	14	29.155.784.121	19.752.574.792
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	9.216.139.140	62.018.774.240
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		709.787.129	3.047.865.129
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>9.144.664.465</b>	<b>7.657.613.205</b>
333	3. Phải trả dài hạn khác	16	4.135.444.465	1.303.403.205
334	4. Vay và nợ dài hạn	17	4.797.720.000	6.304.210.000
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		211.500.000	50.000.000
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>420.490.454.344</b>	<b>414.824.637.113</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>420.490.454.344</b>	<b>414.824.637.113</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		386.386.000.000	386.386.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		7.937.550.215	7.937.550.215
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		7.220.717.250	7.220.717.250
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		18.946.186.879	13.280.369.648
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>672.235.734.353</b>	<b>775.688.525.853</b>



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	31/12/2014	01/01/2014
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	51.156.113	51.156.113
4. Nợ khó đòi đã xử lý	13.963.451.108	13.963.451.108
5. Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	2.772,14	2.692,58



Lý Lệ Ninh  
Người lập



Hoàng Minh Đức  
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Trung  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2015

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	480.760.484.738	389.465.178.934
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		480.760.484.738	389.465.178.934
11	4. Giá vốn hàng bán	20	475.133.793.419	382.486.432.782
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.626.691.319	6.978.746.152
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	50.953.682.850	27.480.122.738
22	7. Chi phí tài chính	22	8.421.400.632	8.633.226.750
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.389.644.236	3.643.305.298
24	8. Chi phí bán hàng	23	3.968.822.645	2.874.845.209
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	36.500.778.934	13.550.995.100
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.689.371.958	9.399.801.831
31	11. Thu nhập khác	25	1.167.700.559	261.774.114
32	12. Chi phí khác		197.137.158	605.000.794
40	13. Lợi nhuận khác		970.563.401	(343.226.680)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.659.935.359	9.056.575.151
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>8.659.935.359</u>	<u>9.056.575.151</u>



Lý Lệ Ninh  
Người lập



Hoàng Minh Đức  
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Trung  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		8.659.935.359	9.056.575.151
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		5.507.117.207	5.776.233.736
03	- Các khoản dự phòng		8.252.862.251	(306.619.022)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(199.942)	1.030.935
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(40.963.528.996)	(15.149.716.884)
06	- Chi phí lãi vay		2.389.644.236	3.643.305.298
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(16.154.169.885)	3.020.809.214
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		61.828.452.825	(36.197.796.524)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(302.374.256)	280.548.697
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(79.501.880.987)	25.403.447.450
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.305.948.024	5.289.512.027
13	- Tiền lãi vay đã trả		(1.670.977.415)	(3.498.699.835)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(57.069.049)	-
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.958.951.838	681.230.956
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.150.198.656)	(73.855.603.457)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(35.743.317.561)	(78.876.551.472)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(36.354.545)	(33.545.455)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		602.727.272	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		37.866.960.543	81.547.077.923
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		50.772.888.053	21.590.752.307
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		89.206.221.323	103.104.284.775
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		4.050.000.000	4.974.430.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.304.089.986)	(12.176.810.811)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(42.464.915.775)	(11.116.200.676)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(40.719.005.761)	(18.318.581.487)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		12.743.898.001	5.909.151.816

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	25.564.599.963	19.656.479.082
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	199.942	(1.030.935)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	<b>38.308.697.906</b>	<b>25.564.599.963</b>



Lý Lệ Ninh  
Người lập



Hoàng Minh Đức  
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Trung  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2015

Y  
ĐU HA  
TOA  
SC  
P

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014

**1 . THÔNG TIN CHUNG****1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03 tháng 01 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 386.386.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 386.386.000.000 đồng; tương đương 38.638.600 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí tại Móng Cái	Thị xã Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh doanh hàng hóa, cho thuê khách sạn
Trung tâm Hợp tác lao động và Dịch vụ quốc tế - Chi nhánh Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí	Thành phố Hà Nội	Dịch vụ quản lý thực tập sinh

Trong năm, Công ty thực hiện thoái vốn tại Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam và sáp nhập Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Việt Nam vào Công ty mẹ để tái cơ cấu lại hoạt động sản xuất kinh doanh. Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 10.

**1.2 . Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra);
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động của các Trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm (tiếp theo):

- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: (công trình lưới điện và trạm biến áp đến 220 kv, công trình lưới điện và trạm biến áp đến 110 kv, công trình lưới điện và trạm biến áp đến 35 kv, các công trình nguồn điện);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ khác liên quan đến vận tải: giao nhận hàng hóa, thu phát các chứng từ vận tải và vận đơn, hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan, hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải;
- Sửa chữa thiết bị điện; thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; đồ dùng gia đình;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in (Trừ các loại Nhà nước cấm);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.



### **2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính tại các chi nhánh và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

Những người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc các báo cáo tài chính riêng này kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Công ty.

### **2.4 . Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **2.6 . Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.



**2.7 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	05 - 07	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 07	năm
- Phần mềm máy tính	03	năm

**2.9 . Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25	năm
- Quyền sử dụng đất	04	năm

**2.10 . Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó: Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

### **2.11 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

### **2.12 . Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **2.13 . Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**2.14 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty và thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**2.15 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

**2.16 . Ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn;

Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh được ghi nhận khi các bên tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh công bố chia lợi nhuận cho các bên theo điều khoản quy định trong Hợp đồng;

**2.17 . Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.18 . Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

**2.19 . Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	501.086.362	648.510.530
Tiền gửi ngân hàng	15.807.611.544	22.302.791.926
Các khoản tương đương tiền (*)	22.000.000.000	2.613.297.507
	<b><u>38.308.697.906</u></b>	<b><u>25.564.599.963</u></b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 22 tỷ đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn 3 tháng, lãi suất từ 5%/năm đến 5,5%/năm.

**4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	36.541.770	36.541.770
Phải thu về bảo hiểm xã hội	1.886	-
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	185.138.888	6.782.719
Phải thu Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	7.813.981.176	23.178.330.301
Phải thu Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	4.850.227.383
Phải thu khác	2.648.863.404	593.998.374
	<b><u>10.684.527.124</u></b>	<b><u>28.665.880.547</u></b>

**5 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	366.781.347	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	22.528.470.098	21.714.842.560
Hàng hoá	4.563.893.807	4.829.496.217
	<b><u>27.459.145.252</u></b>	<b><u>26.544.338.777</u></b>

**6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	2.816.059.416	2.801.455.083
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	40.845.583
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn khác	1.022.201.893	1.232.800.376
	<b><u>3.838.261.309</u></b>	<b><u>4.075.101.042</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,

Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**7 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Nguyên giá</b>									
Tại ngày 01/01/2014	1.211.033.146	6.333.156.053	563.603.082	44.545.454	8.152.337.735				36.354.545
Mua sắm	-	-	36.354.545	-	509.885.454				(895.277.784)
Tăng do sáp nhập công ty con	-	445.759.636	64.125.818	-					
Thanh lý, nhượng bán	-	(895.277.784)	-	-					
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>1.211.033.146</b>	<b>5.883.637.905</b>	<b>664.083.445</b>	<b>44.545.454</b>	<b>7.803.299.950</b>				
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>									
Tại ngày 01/01/2014	620.857.308	3.841.324.810	499.258.582	31.635.529	4.993.076.229				840.746.176
Trích khấu hao	60.967.428	725.800.686	41.068.137	12.909.925	449.616.903				(857.262.977)
Tăng do sáp nhập công ty con	-	385.491.085	64.125.818	-					
Thanh lý, nhượng bán	-	(857.262.977)	-	-					
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>681.824.736</b>	<b>4.095.353.604</b>	<b>604.452.537</b>	<b>44.545.454</b>	<b>5.426.176.331</b>				
<b>Giá trị còn lại</b>									
Tại ngày 01/01/2014	590.175.838	2.491.831.243	64.344.500	12.909.925	3.159.261.506				2.377.123.619
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>529.208.410</b>	<b>1.788.284.301</b>	<b>59.630.908</b>	<b>-</b>	<b>2.377.123.619</b>				

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.360.998.877 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Toàn bộ tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính với nguyên giá tại 31/12/2014 là 882.965.000 đồng, hao mòn lũy kế là 815.858.731 đồng.

**9 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2014	7.779.542.940	21.344.880.703	29.124.423.643
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>7.779.542.940</b>	<b>21.344.880.703</b>	<b>29.124.423.643</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2014	1.944.885.734	8.041.270.171	9.986.155.905
Trích khấu hao	1.944.885.732	2.540.159.664	4.485.045.396
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>3.889.771.466</b>	<b>10.581.429.835</b>	<b>14.471.201.301</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2014	5.834.657.206	13.303.610.532	19.138.267.738
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>3.889.771.474</b>	<b>10.763.450.868</b>	<b>14.653.222.342</b>

**10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>79.628.213.760</b>	<b>132.836.262.560</b>
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Việt Nam <sup>(1)</sup>	-	16.350.000.000
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam <sup>(2)</sup>	-	36.858.048.800
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	49.628.213.760	49.628.213.760
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>1.447.257.429</b>	-
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam <sup>(3)</sup>	1.447.257.429	-
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>75.454.779.091</b>	<b>76.346.963.820</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(11.978.831.048)	(17.220.133.964)
	<b>144.551.419.232</b>	<b>191.963.092.416</b>

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Tp. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Thương mại và lắp đặt máy móc và thiết bị công
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	Đà Nẵng	51,00%	51,00%	Thương mại và cho thuê máy móc, thiết bị

(1) Công ty TNHH Máy - Thiết bị Dầu khí Việt Nam giải thể và sáp nhập vào Công ty mẹ tại ngày 01/01/2014 theo Quyết định số 0130/QĐ/MTB-HĐQT ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Hội đồng Quản trị.

(2) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam được thoái vốn theo Nghị quyết số 0097/NQ-MTB/ĐU-HĐQT ngày 20 tháng 10 năm 2014 của Đảng ủy - Hội đồng Quản trị Công ty. Theo đó Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần của Công ty này theo giá gốc cho Tổng Công ty Công Nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>				
Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam (3)	Thành phố Hà Nội	34,58%	34,58%	Thương mại và lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, xây dựng

(3) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Việt Nam sau khi Công ty này giải thể và sáp nhập vào Công ty mẹ tại ngày 01/01/2014 theo Quyết định số 0130/QĐ/MTB-HĐQT ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Hội đồng Quản trị.

**Đầu tư dài hạn khác**

	Tỷ lệ lợi ích	31/12/2014 VND	Tỷ lệ lợi ích	01/01/2014 VND
<b>Đầu tư góp vốn, mua cổ phần</b>		<b>74.732.240.773</b>		<b>74.732.240.773</b>
Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	3,25%	2.016.000.000	3,25%	2.016.000.000
Công ty TNHH FCC Việt Nam	10,0%	16.800.000.000	10,0%	16.800.000.000
Công ty TNHH Vietnam Nippon Seiki	10,0%	11.781.000.000	10,0%	11.781.000.000
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Nam	12,69%	841.102.790	15,0%	841.102.790
Công ty CP Xây lắp điện Dầu khí Việt Nam	6,0%	3.000.000.000	6,0%	3.000.000.000
Công ty TNHH Phụ tùng xe máy ô tô SHOWA Việt Nam	8,45%	36.673.137.983	8,45%	36.673.137.983
Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	1,8%	3.621.000.000	1,8%	3.621.000.000
<b>Hợp tác kinh doanh</b>		<b>722.538.318</b>		<b>1.614.723.047</b>
Tổng công ty vận tải Hà Nội (Nhà số 1,3,5 Đình Tiên Hoàng)		130.419.025		600.915.970
Công ty Siêu thị Hà Nội (Nhà số 7 Đình Tiên Hoàng)		592.119.293		1.013.807.077
		<b>75.454.779.091</b>		<b>76.346.963.820</b>

**Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (\*)**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>7.686.900.147</b>	<b>13.962.342.518</b>
- Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	7.686.900.147	3.409.914.827
- Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Việt Nam	-	10.552.427.691
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>1.074.404.817</b>	-
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	1.074.404.817	-
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>3.217.526.084</b>	<b>3.257.791.446</b>
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	2.016.000.000	2.016.000.000
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu Khí Miền Nam	811.575.891	734.921.483
- Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	389.950.193	506.869.963
	<b>11.978.831.048</b>	<b>17.220.133.964</b>

(\*) Mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế nhận đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	43.867.687.624	48.999.614.880
Tăng trong năm	1.040.371.457	832.414.016
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(2.255.925.956)	(5.964.341.272)
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b><u>42.652.133.125</u></b>	<b><u>43.867.687.624</u></b>
<b>Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:</b>		
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	11.780.477	347.817.460
Lợi thế giá trị thương hiệu khi cổ phần hóa	45.118.384	50.940.112
Lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa (*)	35.801.058.921	35.801.058.921
Tiền thuê văn phòng	5.681.379.350	6.781.001.150
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.112.795.993	556.695.633
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	330.174.348
	<b><u>42.652.133.125</u></b>	<b><u>43.867.687.624</u></b>

(\*) Theo Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần, kể từ năm 2014 Công ty được bù trừ lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa với tiền thuê đất phải nộp hàng năm nên Công ty không phân bổ lợi thế vị trí địa lý vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm và sẽ bù trừ với tiền thuê đất phải nộp Nhà nước sau khi được cơ quan thuế quản lý chấp thuận.

**12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>124.171.472.318</b>	<b>122.110.612.304</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm <sup>(1)</sup>	14.734.494.318	16.723.634.304
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVcombank) <sup>(2)</sup>	105.386.978.000	105.386.978.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hai Bà Trưng <sup>(3)</sup>	4.050.000.000	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>1.191.540.000</b>	<b>-</b>
Vay cá nhân dài hạn đến hạn trả	1.191.540.000	-
(Xem thuyết minh 17)		
	<b><u>125.363.012.318</u></b>	<b><u>122.110.612.304</u></b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn**

(1) Bao gồm các hợp đồng hạn mức tín dụng sau:

- 1.1 Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1784.12.057.597402 ngày 08/11/2012, văn bản sửa đổi Hợp đồng số 01 ngày 19/03/2014 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Giá trị hợp đồng: 6 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: thanh toán tiền thực hiện hợp đồng 04/2011/LPG/PVMACHINO - VINHNAM và 1 số hợp đồng khác;
  - + Thời hạn của hợp đồng: đến ngày 31/03/2015;
  - + Lãi suất cho vay: 15% năm, biên độ dao động 4,5%/năm;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2014: 4.000.000.000 đồng.
- 1.2 Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 2046.057.597402 ngày 21/12/2012, văn bản sửa đổi Hợp đồng số 01 ngày 19/03/2014 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Giá trị hợp đồng: 7,59 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: thanh toán tiền thực hiện hợp đồng 03/2011/LPG/PVMACHINO - ALPHA ECC cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam;
  - + Thời hạn của hợp đồng: đến ngày 31/03/2015;
  - + Lãi suất cho vay: 15% năm, biên độ dao động 5%/năm;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2014: 7.110.000.000 đồng.
- 1.3 Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 90012.057.597402 ngày 22/06/2012, văn bản sửa đổi Hợp đồng số 01 ngày 19/03/2014 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Giá trị hợp đồng: 20 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: thanh toán nhằm thực hiện hợp đồng số 337/2010HĐCC/PVC/BĐH-PVMACHINO ngày 22/12/2010 với ban điều hành dự án xây dựng công trình kho chứa lạnh LPG Thị Vải, phụ lục hợp đồng số 140/PLHĐ/PVC PT-PVMACHINO ngày 15/06/2011;
  - + Thời hạn của hợp đồng: đến ngày 31/03/2015;
  - + Lãi suất cho vay: 15% năm, biên độ dao động 5%/năm;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2014: 3.624.494.318 đồng.

Toàn bộ các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàn Kiếm được bảo đảm bằng quyền đòi nợ Công ty CP Thương mại - XNK D&T theo hợp đồng thế chấp số 530.14.057.597402.BD ngày 29/04/2014 và quyền đòi nợ Công ty TNHH Thành Đức theo hợp đồng thế chấp số 531.14.057.597402.BD ngày 29/04/2014.

- (2) Hợp đồng tín dụng số 26/TDHM-NH/TD11, công văn 3137/TCDK-TTGDHO ngày 29/05/2013 về việc thông báo lãi suất và trả nợ trước hạn với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 250 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn vay của mỗi lần nhận nợ tối đa không quá 6 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: chi tiết theo từng giấy nhận nợ;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp hàng hóa hình thành từ vốn vay và/hoặc quyền đòi nợ tương ứng với phương án vay vốn từng lần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

- (3) Hợp đồng tín dụng số 01/2014/339/HĐTD ngày 14/05/2014 về việc thông báo lãi suất và trả nợ trước hạn với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 25 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
  - + Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay được quy định theo từng giấy nhận
  - + Lãi suất cho vay: chi tiết theo từng giấy nhận nợ;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: bảo đảm bằng hợp đồng tiền gửi tiết kiệm trị giá 10 tỷ đồng.

**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	13.828.305.147	22.302.189.937
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.709.786.925	3.766.855.974
Thuế Thu nhập cá nhân	595.283.637	423.360.861
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	585.846.000	354.375.000
Các loại thuế khác	2.128.771.066	2.374.197.372
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.792.960	4.792.960
	<b>20.852.785.735</b>	<b>29.225.772.104</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	18.899.777.976	18.181.111.155
Chi phí phải trả tiền thuê nhà, thuê đất tại số 08 Tràng Thi	6.756.006.146	773.521.749
Chi phí phải trả thuế công ty luật	3.363.636.363	609.645.688
Chi phí phải trả khác	136.363.636	188.296.200
	<b>29.155.784.121</b>	<b>19.752.574.792</b>

**15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	211.591.538	152.152.250
Bảo hiểm xã hội	109.511.514	365.006.852
Bảo hiểm y tế	2.685.576	-
Bảo hiểm thất nghiệp	1.147.374	-
Phải trả về cổ phần hoá	-	10.000.000.000
Phải trả cổ tức cho cổ đông	2.736.605.129	45.201.520.904
Tiền chia quỹ KTPL trong giai đoạn chuyển sang Công ty Cổ phần	29.238.084	29.238.084
Phải trả, phải nộp khác	6.125.359.925	6.270.856.150
	<b>9.216.139.140</b>	<b>62.018.774.240</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**16 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh nhà 1,3,5 Đinh Tiên Hoàng	3.945.954.444	1.176.988.792
Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh khách sạn tại Móng Cái	189.490.021	126.414.413
	<u><b>4.135.444.465</b></u>	<u><b>1.303.403.205</b></u>

**17 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Vay dài hạn của cá nhân <sup>(1)</sup>	4.797.720.000	6.304.210.000
	<u><b>4.797.720.000</b></u>	<u><b>6.304.210.000</b></u>

(1) Các khoản vay cá nhân, lãi suất 5% - 6%/ năm; thời hạn trả nợ từ 2015 đến 2017, Tổng số dư vay là 5.989.260.000 đồng, trong đó số dư nợ đến hạn trả là 1.191.540.000 đồng được trình bày tại thuyết minh số 12.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	386.386.000.000	7.130.135.496	6.413.302.531	53.208.162.124	453.137.600.151
Lãi trong năm	-	-	-	9.056.575.151	9.056.575.151
Phân phối lợi nhuận	-	807.414.719	807.414.719	(17.877.684.156)	(16.262.854.718)
Chia cổ tức đợt 2 năm 2011	-	-	-	(28.978.950.000)	(28.978.950.000)
Chia lợi nhuận nhà 1,3,5 Đĩnh Tiên Hoàng	-	-	-	(2.127.733.471)	(2.127.733.471)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>386.386.000.000</b>	<b>7.937.550.215</b>	<b>7.220.717.250</b>	<b>13.280.369.648</b>	<b>414.824.637.113</b>
Lãi trong năm	-	-	-	8.659.935.359	8.659.935.359
Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh khách sạn tại Móng Cái	-	-	-	(695.649.421)	(695.649.421)
Chia lợi nhuận nhà 1,3,5 Đĩnh Tiên Hoàng	-	-	-	(2.298.468.707)	(2.298.468.707)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>386.386.000.000</b>	<b>7.937.550.215</b>	<b>7.220.717.250</b>	<b>18.946.186.879</b>	<b>420.490.454.344</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2014	Tỷ lệ (%)	01/01/2014	Tỷ lệ (%)
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	199.314.300.000	51,58%	-	0,00%
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam	-	0,00%	156.810.530.000	40,58%
Vốn góp của cổ đông khác	187.071.700.000	48,42%	229.575.470.000	59,42%
	<b>386.386.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>386.386.000.000</b>	<b>100%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	386.386.000.000	386.386.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	386.386.000.000	386.386.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	386.386.000.000	386.386.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	28.978.950.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	-	28.978.950.000
<b>d) Cổ phiếu</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	38.638.600	38.638.600
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.638.600	38.638.600
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	38.638.600	38.638.600
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000
<b>e) Các quỹ công ty</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	7.937.550.215	7.937.550.215
Quỹ dự phòng tài chính	7.220.717.250	7.220.717.250
	<b>15.158.267.465</b>	<b>15.158.267.465</b>
<b>19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	447.667.466.513	354.466.912.772
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.237.833.172	18.433.240.155
Doanh thu dịch vụ xây lắp	14.855.185.053	16.565.026.007
	<b>480.760.484.738</b>	<b>389.465.178.934</b>
<b>20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	446.856.949.387	353.772.125.513
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.667.326.792	13.267.017.959
Giá vốn của dịch vụ xây lắp	13.609.517.240	15.447.289.310
	<b>475.133.793.419</b>	<b>382.486.432.782</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	1.356.778.027	2.690.097.112
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	12.330.247.267
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	24.577
Cổ tức, lợi nhuận được chia	49.594.466.195	12.459.595.195
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.238.686	158.587
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	199.942	-
	<b>50.953.682.850</b>	<b>27.480.122.738</b>

**22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.389.644.236	3.643.305.298
Chi phí do sáp nhập công ty con - Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Việt Nam	10.552.427.691	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	197.138.891	89.184.405
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	1.030.935
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(6.080.491.860)	3.537.024.438
Chi phí hoạt động hợp tác liên doanh	1.362.681.674	1.362.681.674
	<b>8.421.400.632</b>	<b>8.633.226.750</b>

**23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	116.552.246	22.196.109
Chi phí nhân công	2.161.099.636	644.180.445
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.202.370	36.423.375
Chi phí dịch vụ mua ngoài	280.873.011	144.889.123
Chi phí khác bằng tiền	1.396.095.382	2.027.156.157
	<b>3.968.822.645</b>	<b>2.874.845.209</b>

**24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	243.068.176	889.441.778
Chi phí nhân công	6.901.183.716	8.075.758.351
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.007.869.441	1.254.764.963
Thuế, phí, lệ phí	38.020.248	46.891.514
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	14.333.354.111	(3.843.643.460)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.156.555.010	3.057.381.064
Chi phí khác bằng tiền	6.820.728.232	4.070.400.890
	<b>36.500.778.934</b>	<b>13.550.995.100</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**25 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	602.727.272	-
Thu nhập giảm khoản phải trả theo biên bản thanh tra thuế	495.810.281	-
Tiền hỗ trợ của các nghiệp đoàn lao động	-	250.563.695
Thu nhập khác	69.163.006	11.210.419
	<b>1.167.700.559</b>	<b>261.774.114</b>

**26 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.659.935.359	9.056.575.151
Các khoản điều chỉnh tăng	385.040.656	2.554.965.779
- Chi phí không hợp lệ	385.040.656	2.554.965.779
Các khoản điều chỉnh giảm	(49.594.466.195)	(12.459.595.195)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(49.594.466.195)	(12.459.595.195)
Tổng thu nhập tính thuế	(40.549.490.180)	(848.054.265)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	-	57.069.049
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	3.766.855.974	3.709.786.925
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(57.069.049)	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>	<b>3.709.786.925</b>	<b>3.766.855.974</b>

**27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.351.570.253	1.252.950.725
Chi phí nhân công	14.809.067.338	9.240.099.431
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.507.117.207	5.776.233.736
Chi phí dự phòng/ hoàn nhập dự phòng	14.333.354.111	(3.843.643.460)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.416.396.045	22.928.318.938
Chi phí khác bằng tiền	10.915.569.640	9.786.188.208
	<b>68.333.074.594</b>	<b>45.140.147.578</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tráng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.308.697.906	-	25.564.599.963	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	428.357.676.963	(52.516.387.542)	479.131.389.412	(36.970.373.685)
Đầu tư dài hạn	75.454.779.091	(3.217.526.084)	76.346.963.820	(3.257.791.446)
	<b>542.121.153.960</b>	<b>(55.733.913.626)</b>	<b>581.042.953.195</b>	<b>(40.228.165.131)</b>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			130.160.732.318	128.414.822.304
Phải trả người bán, phải trả khác			43.773.973.699	152.439.202.660
Chi phí phải trả			29.155.784.121	19.752.574.792
			<b>203.090.490.138</b>	<b>300.606.599.756</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Tiền và các khoản trương đương tiền	38.308.697.906	-	-	38.308.697.906
Phải thu khách hàng, phải thu khác	375.841.289.421	-	-	375.841.289.421
Đầu tư dài hạn	-	72.237.253.007	-	72.237.253.007
	<u>414.149.987.327</u>	<u>72.237.253.007</u>	<u>-</u>	<u>486.387.240.334</u>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Tiền và các khoản trương đương tiền	25.564.599.963	-	-	25.564.599.963
Phải thu khách hàng, phải thu khác	442.161.015.727	-	-	442.161.015.727
Đầu tư dài hạn	-	73.089.172.374	-	73.089.172.374
	<u>467.725.615.690</u>	<u>73.089.172.374</u>	<u>-</u>	<u>540.814.788.064</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Vay và nợ	125.363.012.318	4.797.720.000	-	130.160.732.318
Phải trả người bán, phải trả khác	39.638.529.234	4.135.444.465	-	43.773.973.699
Chi phí phải trả	29.155.784.121	-	-	29.155.784.121
	<b>194.157.325.673</b>	<b>8.933.164.465</b>	<b>-</b>	<b>203.090.490.138</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Vay và nợ	122.110.612.304	6.304.210.000	-	128.414.822.304
Phải trả người bán, phải trả khác	151.135.799.455	1.303.403.205	-	152.439.202.660
Chi phí phải trả	19.752.574.792	-	-	19.752.574.792
	<b>292.998.986.551</b>	<b>7.607.613.205</b>	<b>-</b>	<b>300.606.599.756</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**29 . THÔNG TIN KHÁC**

Theo Quyết định số 24/2013/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội về việc Công nhận thỏa thuận của các đương sự, Công ty TNHH Thành Đức sẽ có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí số tiền mua thép cuộn cán nóng số tiền nợ gốc là 21.436.965.200 đồng, khoản nợ này được Công ty ghi nhận trên chỉ tiêu phải thu khách hàng trên bảng cân đối kế toán.

**30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Theo Bản án phúc thẩm số 05/2015/KDTM-PT ngày 13/01/2015 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc tranh chấp hợp đồng bảo lãnh giữa Nguyên đơn là Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (Công ty) và Bị đơn là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Ngân hàng), Ngân hàng phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty theo chứng thư bảo lãnh số 0606/TDHH ngày 07/06/2011 đối với khoản nợ phải thu Công ty TNHH Thương mại và Khai thác khoáng sản Đức Hùng số tiền gốc là 44.707.350.467 đồng và lãi chậm trả là 10.791.709.710 đồng, tổng cộng là 55.499.060.177 đồng. Khoản nợ này được Công ty ghi nhận trên chỉ tiêu phải thu khách hàng trên bảng cân đối kế toán.

Ngoài ra, không còn sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



**31 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm hoạt động thương mại, hoạt động dịch vụ và hoạt động thi công lắp đặt, tuy nhiên hoạt động thương mại chiếm hơn 90% hoạt động của Công ty, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Theo khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
		VND	VND
<b>Doanh thu</b>			
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết	78.955.568	6.450.818.206
Công ty CP Máy Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	Công ty con	2.807.046	-
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Công ty con	15.466.435.477	-
<b>Mua hàng</b>			
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết	-	467.812.627
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Công ty con	4.952.298.120	-
<b>Doanh thu lãi tiền gửi, lãi chậm trả</b>			
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Công ty con	445.074.276	3.771.344.942
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:			
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
		VND	VND
<b>Phải thu tiền hàng</b>			
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết	-	7.006.815.771
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Công ty con	30.404.898.813	19.994.503.200
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Công ty con	-	6.602.683.412
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết	1.139.839.639	718.872.135
<b>Phải thu khác</b>			
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Công ty con	7.813.981.176	23.178.330.301
Công ty CP Máy Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	Công ty con	651.344	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.703.386.925	2.065.842.297

**33 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, đã được Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC kiểm toán.



**Lý Lệ Ninh**  
Người lập



**Hoàng Minh Đức**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Đình Trung**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2015

